

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
TRƯỜNG: 18 - THPT Phước Vĩnh

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
1	180001	Nguyễn Thị Hồng	Ái	Nữ	02/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,80	7,50	20,30
2	180002	Bê Khánh	An	Nữ	24/06/2010	Tuyên Quang	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	2,80	8,75	20,05
3	180003	Bùi Thị Tường	An	Nữ	03/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	3,20	4,60	14,05
4	180004	Bùi Tường	An	Nữ	19/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,40	4,35	13,00
5	180007	Lê Phúc	An	Nam	28/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	2,60	6,75	16,60
6	180008	Lưu Lê Phương	An	Nữ	01/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	2,80	7,75	18,05
7	180009	Nguyễn Hào	An	Nam	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	3,00	7,00	15,75
8	180010	Nguyễn Thị Thúy	An	Nữ	09/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,20	4,00	12,20
9	180011	Nguyễn Thúy	An	Nữ	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,00	2,20	5,05	12,25
10	180012	Phạm Ngọc Trường	An	Nữ	23/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	4,00	6,25	15,25
11	180013	Vũ Đình	An	Nam	05/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,25	3,60	5,75	13,60
12	180014	Vũ Thường Tâm	An	Nữ	13/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,50	2,20	4,80	12,50
13	180040	Huỳnh Trọng	Ấn	Nam	15/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	6,40	5,60	18,00
14	180041	Nguyễn Gia Thiên	Ấn	Nam	26/07/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	4,20	6,50	17,20
15	010058	Vũ Thị Kim	Anh	Nữ	01/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	SINH		18	27			8,25	4,40	7,75	20,40
16	010718	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18				8,50	7,60	8,25	24,35
17	180015	Bùi Hoàng	Anh	Nam	13/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,40	6,75	18,15
18	180016	Chu Quang	Anh	Nam	01/12/2010	TP. Hải Phòng	Trường THCS Tân Bình	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			18	17			7,50	6,70	7,00	21,20
19	180017	Đàm Quỳnh	Anh	Nữ	01/12/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	5,20	7,25	18,45
20	180018	Đoàn Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	29/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	5,50	9,25	22,75
21	180019	Đoàn Vũ Việt	Anh	Nữ	05/02/2010	Thái Nguyên	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,80	6,05	14,85
22	180020	Hoàng Kỳ	Anh	Nữ	06/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	2,40	6,00	16,40
23	180021	Lê Tuấn	Anh	Nam	16/03/2010	Phú Yên	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,00	2,60	4,25	13,85
24	180022	Lưu Hải	Anh	Nữ	24/05/2010	Hưng Yên	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,00	2,40	5,50	12,90
25	180023	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	Nữ	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,50	4,40	8,75	21,65
26	180024	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	16/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	4,00	7,75	19,00
27	180025	Nguyễn Thụy Ngọc	Anh	Nữ	02/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18				7,25	5,40	6,10	18,75
28	180026	Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	11/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,40	7,50	18,90
29	180028	Nguyễn Tú	Anh	Nữ	18/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,20	7,75	19,95
30	180029	Ngưu Tuấn	Anh	Nam	11/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,50	4,30	7,25	19,05
31	180030	Phạm Việt	Anh	Nam	24/09/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	2,40	6,75	15,65
32	180031	Phan Đặng Trâm	Anh	Nữ	03/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	5,60	7,25	20,10
33	180032	Tạ Nguyễn Phương	Anh	Nữ	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	6,10	9,00	21,85
34	180033	Võ Việt	Anh	Nam	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	2,40	5,30	15,20
35	180034	Vũ Hoàng Tuấn	Anh	Nam	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,00	7,00	15,75
36	180035	Vũ Phương	Anh	Nữ	15/09/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,80	6,25	15,80
37	180036	Vũ Thị Ngọc	Anh	Nữ	11/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	8,30	10,00	25,80

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
38	180037	Vũ Trâm	Anh	Nữ	15/04/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	4,20	6,75	17,45
39	180038	Vương Quốc	Anh	Nam	01/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	4,80	7,50	18,30
40	190005	Đỗ Thị Tú	Anh	Nữ	29/03/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			6,00	2,40	5,00	13,40
41	180039	Lê Phạm Ngọc	Ánh	Nữ	31/05/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	1,60	8,50	17,10
42	180051	Lâm Phương	Bắc	Nam	20/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	3,80	8,25	17,80
43	180042	Đặng Gia	Bảo	Nam	09/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	6,40	6,75	18,90
44	180043	Nguyễn Tấn	Bảo	Nam	16/06/2010	Đồng Nai	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,20	5,60	14,55
45	180044	Nguyễn Thái Bảo	Bảo	Nam	08/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,80	7,00	18,05
46	180045	Nguyễn Trọng Hoàng	Bảo	Nam	13/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,80	7,75	18,30
47	180046	Trần Gia	Bảo	Nam	12/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	3,20	6,00	15,45
48	180048	Trương Gia	Bảo	Nam	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,80	7,00	16,80
49	180049	Trương Quốc	Bảo	Nam	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	7,60	8,25	23,60
50	270015	Huỳnh Lê Gia	Bảo	Nam	05/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			7,00	2,60	4,25	13,85
51	270016	Lê Trọng	Bảo	Nam	23/01/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Quang Trung	Huyện Bàu Bàng	2025			27	18			3,75	3,40	6,00	13,15
52	270019	Phạm Gia	Bảo	Nam	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			7,25	2,00	4,10	13,35
53	180052	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Nữ	11/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	3,00	5,25	15,75
54	180053	Đặng Thị Kim	Chi	Nữ	23/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	6,00	7,75	21,75
55	180054	Nguyễn Ngọc Kim	Chi	Nữ	07/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	5,30	10,00	23,55
56	180055	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	18/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	1,80	5,75	13,55
57	180056	Phạm Đình	Chính	Nam	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18				7,00	3,40	7,50	17,90
58	180057	Phạm Thành	Công	Nam	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,40	7,75	17,65
59	180082	Đỗ Linh	Đan	Nữ	27/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	6,10	9,00	23,35
60	180083	Nguyễn Phạm Hồng	Đan	Nữ	01/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	5,90	6,75	20,40
61	180091	Hồ Hải	Đặng	Nam	22/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,80	7,25	17,80
62	180092	Lê Ngọc	Đặng	Nam	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,90	9,25	22,15
63	180093	Võ Phạm Hải	Đặng	Nam	27/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,60	8,25	19,10
64	010760	Trần Công	Danh	Nam	11/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18	27			8,00	5,20	9,25	22,45
65	180059	Nguyễn Công	Danh	Nam	19/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	2,00	6,75	16,25
66	180060	Nguyễn Thành	Danh	Nam	29/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,80	6,50	16,05
67	180061	Trương Công	Danh	Nam	08/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,20	5,75	14,95
68	180084	Dương Tiến	Đạt	Nam	09/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,80	7,50	17,05
69	180085	Hoàng Công Quốc	Đạt	Nam	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	17			6,25	3,80	5,10	15,15
70	180086	Huỳnh Minh	Đạt	Nam	17/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	4,00	5,50	15,25
71	180087	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	19/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	3,40	7,00	16,90
72	180088	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	27/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,80	7,75	17,55
73	180089	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	31/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,50	3,00	7,00	15,50
74	180090	Nguyễn Võ Tiến	Đạt	Nam	10/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	4,60	6,50	17,85
75	160037	Lê Thị Kiều	Diễm	Nữ	03/05/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			6,25	2,40	4,25	12,90
76	180062	Kim Thị Hồng	Diễm	Nữ	26/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	2,60	5,00	15,60
77	190024	Đặng Thị Ngọc	Diễm	Nữ	05/12/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			5,50	1,60	7,50	14,60
78	180063	Đào Thị Ngọc	Diệp	Nữ	23/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	4,40	5,75	17,90

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
79	180064	Hà Ngọc	Diệp	Nữ	29/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	4,30	6,75	19,30
80	180065	Điều Thị	Diệu	Nữ	05/04/2010	Bình Phước	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	3,20	5,10	16,55
81	180067	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	Nữ	05/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	5,00	5,85	18,60
82	180068	Nguyễn Ngọc	Doanh	Nữ	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	8,50	8,25	24,00
83	180094	Nguyễn Văn	Đông	Nam	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,40	6,50	15,40
84	180095	Đào Duy	Đức	Nam	01/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	6,30	9,50	23,30
85	180096	Lê Hữu	Đức	Nam	25/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,40	7,00	16,90
86	180097	Nguyễn Minh	Đức	Nam	23/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	17			7,00	4,20	7,75	18,95
87	180098	Trần Minh	Đức	Nam	09/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	5,60	6,50	17,85
88	180099	Trần Thế	Đức	Nam	24/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,40	6,50	18,90
89	190031	Chu Vũ	Đức	Nam	16/11/2010	Đồng Nai	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			5,25	2,60	6,50	14,35
90	010762	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	28/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18	19			8,00	6,20	9,50	23,70
91	180069	Huỳnh Trung	Dũng	Nam	28/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	4,80	6,75	18,30
92	180070	Lương Ngọc Tấn	Dũng	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	6,00	7,50	20,25
93	180076	Bùi Ánh	Dương	Nữ	03/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,60	8,50	19,10
94	180077	Châu Hải	Dương	Nam	22/04/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18				6,00	1,80	5,75	13,55
95	180079	Nguyễn Trần Ánh	Dương	Nữ	16/10/2010	Hòa Bình	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	5,40	8,00	20,65
96	180080	Phùng Thị Thủy	Dương	Nữ	28/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	2,40	6,50	16,40
97	180081	Thái Bình	Dương	Nam	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,00	9,00	19,00
98	190028	Vương Thị Thủy	Dương	Nữ	23/10/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			4,75	3,80	5,60	14,15
99	180071	Lê Bảo	Duy	Nam	01/03/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,00	5,75	15,50
100	180072	Nguyễn Công	Duy	Nam	08/04/2010	Thái Bình	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	2,60	6,50	16,35
101	180074	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	28/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	2,20	4,00	12,70
102	180100	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	3,60	7,75	19,10
103	160059	Trần Thị Hương	Giang	Nữ	18/05/2009	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			6,00	2,20	4,25	12,45
104	180101	Hồ Thị Huỳnh	Giang	Nữ	15/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	17			7,50	4,00	7,75	19,25
105	180102	Nguyễn Thị Hồng	Giang	Nữ	02/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	3,00	8,00	18,00
106	010789	Phạm Võ Quỳnh	Giao	Nữ	23/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18	19			8,50	5,80	7,25	21,55
107	180103	Phan Thị Linh	Giao	Nữ	02/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	1,80	5,00	12,55
108	180104	Vũ Quỳnh	Giao	Nữ	03/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,75	3,40	7,75	19,90
109	180105	Đỗ Ngọc	Hà	Nữ	23/09/2010	Bình Phước	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,20	5,40	14,35
110	180107	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	30/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,80	2,25	13,30
111	180108	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	Nữ	16/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18				5,75	3,40	6,25	15,40
112	180109	Nguyễn Trần Thu	Hà	Nữ	01/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,00	7,50	19,50
113	180110	Nguyễn Chí	Hải	Nam	14/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	5,00	9,00	21,25
114	180111	Phạm Sỹ	Hải	Nam	18/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	7,70	7,25	22,20
115	180119	Châu Khả	Hân	Nữ	24/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,00	4,50	14,75
116	180120	Dương Gia	Hân	Nữ	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,80	4,00	14,80
117	180121	Đặng Ngọc Quỳnh	Hân	Nữ	12/06/2010	Bình Phước	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	5,80	8,25	21,05
118	180122	Lê Khánh	Hân	Nữ	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,40	7,00	17,65
119	180123	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	03/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,75	5,00	7,50	20,25

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
120	180124	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	17/09/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	2,60	7,00	16,60
121	180125	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	18/08/2010	Hải Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	3,80	6,50	18,05
122	180117	Phan Thị Thúy	Hằng	Nữ	14/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	5,40	7,25	19,65
123	180118	Trần Thị Diễm	Hằng	Nữ	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	8,00	8,00	23,75
124	180112	Lê Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	17/03/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	3,00	7,25	18,25
125	180114	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,20	6,00	15,95
126	180115	Trần Ngọc Mỹ	Hạnh	Nữ	16/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	3,80	6,75	18,05
127	180116	Phạm Chí	Hào	Nam	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,00	6,50	16,25
128	150041	Phạm Thị Minh	Hậu	Nữ	19/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Tân Hiệp	Thành phố Tân Uyên	2025			15	18			6,00	2,40	6,00	14,40
129	180126	Dương Ngọc Ánh	Hậu	Nữ	19/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	17			5,25	3,20	4,75	13,20
130	010192	Nguyễn Hà Thu	Hiền	Nữ	07/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	ANH		18	27			9,00	8,50	10,00	27,50
131	010808	Đào Thị	Hiền	Nữ	27/01/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18	27			6,50	7,40	9,00	22,90
132	180127	Hoàng Ngọc	Hiền	Nữ	08/06/2010	Đồng Nai	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	2,40	6,75	15,90
133	180128	Nguyễn Kim	Hiền	Nữ	24/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,00	3,60	4,25	13,85
134	180129	Nguyễn Lê Ngọc	Hiền	Nữ	03/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,20	4,75	12,95
135	180130	Tạ Thu	Hiền	Nữ	21/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,75	5,00	8,50	22,25
136	180131	Vương Lê Thảo	Hiền	Nữ	09/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	3,80	6,25	15,80
137	180132	Cần Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	08/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,80	8,00	16,55
138	270049	Lê Hoàng	Hiếu	Nam	03/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			5,25	2,60	5,00	12,85
139	180134	Phạm Nguyễn Thuận	Hòa	Nam	23/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	2,60	7,50	17,10
140	180135	Trần Đình Thái	Hòa	Nam	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,00	5,75	15,50
141	180136	Nguyễn Thị Minh	Hoài	Nữ	19/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	3,00	6,25	16,75
142	180137	Mai Tiến	Hoàng	Nam	18/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	5,00	8,25	20,75
143	180138	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	14/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,75	3,00	6,75	14,50
144	180139	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	19/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	4,00	8,25	19,50
145	180140	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	23/06/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,75	3,80	6,50	15,05
146	180141	Quảng Thị	Hồng	Nữ	07/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,20	4,75	13,95
147	180143	Khâm Bảo	Hùng	Nam	26/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27						
148	180168	Lê Quốc	Hung	Nam	26/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,00	3,20	6,75	17,95
149	270059	Nguyễn Quang	Hung	Nam	26/06/2009	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,40	5,50	13,65
150	180169	Đào Diễm	Hương	Nữ	05/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			4,75	2,00	6,25	13,00
151	180171	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	Nữ	03/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	6,20	6,75	20,45
152	180172	Nguyễn Thái	Hữu	Nam	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,80	6,50	18,80
153	180144	Bùi Lê Quốc	Huy	Nam	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,80	9,50	20,55
154	180145	Cao Gia	Huy	Nam	29/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	2,60	5,25	13,60
155	180146	Đinh Văn Đức	Huy	Nam	13/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	4,40	6,75	17,40
156	180147	Hoàng Gia	Huy	Nam	08/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	3,40	6,35	15,50
157	180148	Huỳnh Gia	Huy	Nam	28/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	5,20	5,10	16,55
158	180149	Kim Gia	Huy	Nam	14/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,00	9,00	17,00
159	180150	Lê Hoàng Đức	Huy	Nam	28/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,00	2,60	6,50	16,10
160	180151	Lê Thanh	Huy	Nam	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,60	5,50	14,10
												18	27			6,75	3,00	5,50	15,25

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
161	180152	Lương Thế	Huy	Nam	01/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,80	7,75	17,55
162	180153	Mai Gia	Huy	Nam	02/11/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,00	3,40	6,50	14,90
163	180154	Nguyễn Đa	Huy	Nam	16/11/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,40	4,60	13,50
164	180155	Nguyễn Đức	Huy	Nam	09/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,40	6,30	16,20
165	180156	Nguyễn Đức	Huy	Nam	06/04/2010	Bình Định	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	6,70	7,25	20,70
166	180157	Nguyễn Gia	Huy	Nam	21/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	3,60	7,40	16,25
167	180158	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	23/02/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	4,40	7,75	20,15
168	180159	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	28/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	4,00	8,50	20,25
169	180162	Phạm Trần Nhật	Huy	Nam	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,80	7,75	17,05
170	180163	Trần Bùi Quang	Huy	Nam	16/11/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	4,20	7,50	18,95
171	180164	Trịnh Quang	Huy	Nam	09/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,80	7,25	16,30
172	190055	Trần Gia	Huy	Nam	28/04/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			4,75	2,40	7,25	14,40
173	010224	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	Nữ	10/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18				8,25	8,40	8,25	24,90
174	180165	Đỗ Thu	Huyền	Nữ	05/05/2010	Quảng Bình	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	2,20	8,00	17,70
175	180166	Mai Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	25/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,20	5,75	16,95
176	180167	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	12/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	4,20	8,25	20,20
177	180173	Nguyễn Tuấn	Kha	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	4,50	5,60	15,10
178	180174	Lê Mạnh	Khải	Nam	21/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	5,70	8,50	22,20
179	180175	Bùi Gia	Khang	Nam	29/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,80	4,50	13,80
180	180177	Lê Trọng	Khang	Nam	14/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,60	6,75	18,35
181	180179	Nguyễn Chí	Khang	Nam	10/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,60	6,75	16,85
182	190058	Nguyễn	Khang	Nam	18/03/2010	Bình Dương	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			5,00	3,40	4,50	12,90
183	180182	Vũ Trần Tuấn	Khanh	Nam	18/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	3,00	5,25	15,25
184	180184	Lê Duy	Khánh	Nam	23/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18				6,75	7,60	7,00	21,35
185	180185	Trần Quốc	Khánh	Nam	31/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,00	6,50	14,25
186	180186	Trần Quốc	Khánh	Nam	20/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,20	5,35	15,05
187	180188	Bùi Anh	Khoa	Nam	01/04/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,25	2,40	7,00	14,65
188	180190	Từ Đăng	Khoa	Nam	01/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	2,80	8,00	17,05
189	190062	Võ Trần Anh	Khoa	Nam	25/02/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			5,75	2,00	5,35	13,10
190	180191	Hán Đăng	Khôi	Nam	17/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			4,00	3,00	7,50	14,50
191	180192	Nguyễn Anh	Khôi	Nam	24/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	6,10	9,25	22,10
192	180193	Hoàng Trung	Kiên	Nam	12/10/2010	Nghệ An	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	5,60	6,25	18,35
193	180195	Đào Hoàng Tuấn	Kiệt	Nam	04/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	2,40	7,50	17,15
194	180196	Đỗ Anh	Kiệt	Nam	12/01/2010	Quảng Nam	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	4,60	5,75	15,35
195	180197	Võ Quốc	Kiệt	Nam	05/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	2,00	6,50	14,25
196	180198	Võ Tuấn	Kiệt	Nam	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,80	7,00	16,55
197	180199	Vũ Anh	Kiệt	Nam	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	3,80	7,25	16,30
198	180200	Lê Diễm	Kiều	Nữ	25/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,20	6,25	15,20
199	180201	Tô Ngọc Mỹ	Kiều	Nữ	09/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	5,70	6,75	20,45
200	180202	Lý Thiên	Kim	Nữ	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	3,80	6,75	18,80
201	180203	Nguyễn	Kim	Nữ	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	2,00	5,00	14,75

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
202	010860	Tổng Gia	Kỳ	Nam	05/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025	VĂN		18	27			8,50	4,40	6,75	19,65
203	180206	Cao Anh	Kỳ	Nam	15/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			3,25	4,00	5,35	12,60
204	180207	Ngô Nguyễn Phi	Lam	Nữ	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	3,80	8,00	19,55
205	180208	Nguyễn Khánh	Lam	Nữ	20/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			9,25	3,00	7,75	20,00
206	180210	Lê Thanh	Lâm	Nam	13/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18				6,25	2,80	4,95	14,00
207	180211	Ngô Thùy	Lâm	Nữ	28/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	3,00	7,25	18,50
208	180212	Nguyễn Ngọc Thùy	Lâm	Nữ	08/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	4,60	7,50	21,35
209	230372	Nguyễn Phúc	Lâm	Nam	05/07/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Lai Uyên	Huyện Bàu Bàng	2025			23	18			6,50	2,20	5,50	14,20
210	180209	Nguyễn Vũ Mai	Lan	Nữ	26/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	06			7,00	4,40	8,50	19,90
211	180213	Đàm Thị Thùy	Linh	Nữ	01/10/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,60	7,50	18,10
212	180214	Lê Khánh	Linh	Nữ	25/08/2010	Phú Yên	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	5,40	6,50	19,40
213	180215	Lê Thị Trúc	Linh	Nữ	08/03/2010	Long An	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,60	2,85	13,70
214	180216	Nguyễn Đình Thảo	Linh	Nữ	05/12/2010	Tiền Giang	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	4,40	5,55	17,20
215	180217	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	22/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	3,90	7,00	19,15
216	180219	Phan Thị Thùy	Linh	Nữ	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	3,20	7,75	17,45
217	180220	Trần Thị Trúc	Linh	Nữ	31/03/2010	Vĩnh Long	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	1,80	5,75	14,30
218	180221	Võ Thị Tuyết	Linh	Nữ	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,00	4,40	14,65
219	180226	Huỳnh Tấn	Lộc	Nam	22/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	8,90	7,05	22,95
220	180227	Lê Phát	Lộc	Nam	20/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	1,00	6,25	12,50
221	180228	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	1,80	7,25	15,80
222	180222	Đoàn Hồ Minh	Long	Nam	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	9,00	9,50	24,25
223	180223	Hoàng Bùi Kim	Long	Nam	16/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	20			8,00	6,90	7,25	22,15
224	180224	Lê Thái Minh	Long	Nam	21/05/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	3,20	7,05	17,75
225	180225	Vũ Phi	Long	Nam	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	6,80	7,75	20,55
226	190072	Hạ Hoàng	Long	Nam	12/07/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			4,50	1,80	7,50	13,80
227	180229	Liêu Danh	Luận	Nam	06/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,25	4,00	6,50	17,75
228	180230	Dương Chúc	Ly	Nữ	23/06/2010	Cà Mau	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	2,60	5,25	15,60
229	180231	Trần Trúc	Ly	Nữ	22/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,25	3,80	7,50	19,55
230	180232	Võ Thị Thảo	Ly	Nữ	23/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,40	5,25	13,65
231	180233	Dương Thị Thanh	Mai	Nữ	01/07/2010	Nghệ An	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,00	1,40	6,00	12,40
232	180234	Đỗ Thị Ngọc	Mai	Nữ	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	5,20	7,50	18,95
233	180236	Võ Từ Triệu	Mẫn	Nữ	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,20	7,00	16,20
234	180235	Ngô Quốc	Mạnh	Nam	13/03/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	5,40	9,75	22,65
235	190083	Trần Mi	Mi	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường Tiểu học - THCS An Linh	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			6,00	3,00	4,50	13,50
236	180237	Bùi Quang	Minh	Nam	31/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	6,50	8,25	22,50
237	180238	Châu Hoàng	Minh	Nam	21/10/2010	Trà Vinh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	4,25	3,00	6,25	14,50
238	180239	Lê Công	Minh	Nam	08/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	5,30	7,50	20,55
239	180240	Nguyễn Ánh	Minh	Nữ	02/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	7,30	8,25	23,05
240	180241	Nguyễn Bình	Minh	Nữ	02/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	8,20	8,50	24,70
241	180242	Nguyễn Đặng Minh	Minh	Nữ	07/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,20	5,75	13,70
242	180245	Vũ Duy	Minh	Nam	29/01/2010	Ninh Bình	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,20	5,50	13,95

TT	SBD	Họ và	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
243	180246	Châu Phạm Thảo	My	Nữ	04/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,60	8,00	17,10
244	180247	Lý Quỳnh Hải	My	Nữ	17/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	7,90	6,25	21,65
245	180248	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	30/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,50	2,80	6,25	14,55
246	180249	Vũ Thị Trà	My	Nữ	18/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	3,20	4,50	12,95
247	180250	Nguyễn Hoàn	Mỹ	Nữ	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	4,20	7,25	17,20
248	180251	Bùi Văn Văn	Nam	Nam	22/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	3,00	8,00	16,25
249	180253	Mai Nguyễn Trung	Nam	Nam	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,20	5,75	13,70
250	180254	Nguyễn Bảo	Nam	Nam	18/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	4,00	6,50	16,50
251	180256	Đinh Vũ Kim	Ngân	Nữ	21/10/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	2,80	7,50	17,05
252	180257	Lê Kim	Ngân	Nữ	21/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	2,60	8,00	17,35
253	180259	Trịnh Thị Kim	Ngân	Nữ	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,00	2,60	6,50	15,10
254	180260	Phan Nguyễn Bảo	Nghi	Nữ	13/10/2010	Bình Thuận	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	2,80	6,50	14,30
255	180261	Trần Bảo	Nghi	Nữ	29/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,80	7,00	15,80
256	010416	Nguyễn Chính	Ngọc	Nam	09/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	ANH		18	27			8,50	8,90	7,50	24,90
257	180264	Đỗ Nguyễn Khánh	Ngọc	Nữ	27/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,20	8,75	18,70
258	180265	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	7,30	8,25	22,05
259	180266	Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	20/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,00	5,25	15,25
260	180267	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	22/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,20	5,50	14,20
261	180269	Trần Thị Thanh	Ngọc	Nữ	09/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,40	5,75	14,40
262	180270	Võ Kim	Ngọc	Nữ	28/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	3,20	4,25	15,45
263	180271	Võ Thị Như	Ngọc	Nữ	29/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,50	2,60	8,50	19,60
264	180272	Vũ Trần Bảo	Ngọc	Nữ	24/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			3,50	4,60	5,75	13,85
265	010428	Lê Huỳnh Khang	Nguyễn	Nam	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA	ANH	18	27			7,00	8,50	8,25	23,75
266	180273	Hoàng Lưu Thảo	Nguyễn	Nữ	23/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	8,10	7,50	23,35
267	180274	Huỳnh Ngọc Thảo	Nguyễn	Nữ	21/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	1,60	6,75	15,35
268	180275	Lê Thị Hạnh	Nguyễn	Nữ	20/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	2,00	7,25	16,25
269	180277	Phạm Thị Thùy	Nguyễn	Nữ	17/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	2,20	7,25	16,70
270	180278	Trương Nguyễn Khánh	Nguyễn	Nữ	06/05/2010	Bình Phước	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,75	6,60	7,25	22,60
271	180279	Võ Thảo	Nguyễn	Nữ	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,75	6,50	8,00	23,25
272	180280	Nguyễn Thanh	Nhân	Nữ	24/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	4,40	7,05	19,20
273	180281	Phạm Thanh	Nhân	Nữ	22/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1 - Giải Nhì cấp tỉnh		8,00	7,50	7,75	24,25
274	180282	Lê Thiện	Nhân	Nam	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	2,00	7,75	16,75
275	180284	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	17/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,50	3,80	6,00	15,30
276	180285	Thái Hữu	Nhân	Nam	23/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	4,00	6,50	17,75
277	180288	Ung Thanh	Nhân	Nam	30/12/2010	Đồng Tháp	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	2,80	6,00	15,80
278	180289	Đỗ Minh	Nhật	Nam	05/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,40	9,25	19,65
279	180290	Lê Minh	Nhật	Nam	21/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,00	7,25	17,00
280	180291	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	17/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,20	7,25	15,70
281	190103	Hoàng Minh	Nhật	Nam	04/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			7,75	1,00	5,25	14,00
282	180293	Doãn Thị Yến	Nhi	Nữ	27/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,20	6,75	17,20
283	180294	Đặng Nguyễn Mẫn	Nhi	Nữ	10/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	6,20	7,50	20,95

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
284	180295	Đỗ Thị Yến	Nhi	Nữ	04/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,00	3,60	4,35	13,95
285	180298	Lâm Thị Thúy	Nhi	Nữ	18/05/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,25	3,00	5,50	17,75
286	180300	Lê Hoàng Bảo	Nhi	Nữ	06/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	3,40	5,50	15,15
287	180301	Lê Võ Quỳnh	Nhi	Nữ	01/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	06			7,50	6,00	9,00	22,50
288	180302	Lương Kim Uyên	Nhi	Nữ	24/06/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,40	7,25	17,40
289	180303	Nguyễn Ái	Nhi	Nữ	05/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,20	4,10	12,80
290	180304	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	Nữ	11/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	2,20	6,75	16,45
291	180305	Nguyễn Ngọc Ái	Nhi	Nữ	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,10	7,25	17,10
292	180307	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	Nữ	02/03/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,80	8,00	19,05
293	180308	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	29/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	3,00	6,25	16,25
294	180309	Nguyễn Việt Thiên	Nhi	Nữ	09/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	6,80	7,25	21,80
295	180310	Phạm Hà Thuyết	Nhi	Nữ	25/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,40	5,50	15,65
296	180311	Tạ Yến	Nhi	Nữ	10/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	7,60	8,50	24,10
297	180313	Trịnh Bảo	Nhi	Nữ	02/08/2010	Khánh Hòa	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,00	5,25	13,25
298	180314	Trịnh Hoài Phương	Nhi	Nữ	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,20	6,00	14,20
299	010943	Phạm Ngọc Khánh	Như	Nữ	08/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18	02			8,00	6,80	9,25	24,05
300	180319	Bùi Thị Ánh	Như	Nữ	13/10/2010	Thanh Hóa	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,25	2,00	7,50	17,75
301	180320	Dương Thanh Thảo	Như	Nữ	30/07/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	1,60	8,25	14,85
302	180321	Đặng Quỳnh	Như	Nữ	13/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,80	6,75	16,55
303	180322	Hồ Quỳnh	Như	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,40	4,35	13,75
304	180323	Lê Quỳnh	Như	Nữ	16/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,60	7,00	17,35
305	180325	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	17/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,20	4,85	14,05
306	180326	Phạm Quỳnh Thảo	Như	Nữ	29/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	3,00	5,75	15,00
307	180327	Phạm Trần Khánh	Như	Nữ	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,40	5,25	13,65
308	180328	Trần Ngọc	Như	Nữ	29/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,80	6,50	15,30
309	180315	Bùi Hồng	Nhung	Nữ	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,50	4,40	6,25	19,15
310	180316	Lê Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	4,20	6,50	16,95
311	180317	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	16/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,20	6,00	14,20
312	180318	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	22/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,40	6,00	16,15
313	180329	Lê Đình	Oanh	Nam	07/03/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,50	2,80	7,00	15,30
314	180330	Trương Thị Kim	Oanh	Nữ	17/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,50	1,60	7,25	14,35
315	180331	Huỳnh Tăng	Phát	Nam	20/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	6,20	6,25	19,45
316	180332	Lê Quốc	Phát	Nam	18/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,50	1,60	6,75	13,85
317	180333	Phạm Nguyễn Hoàng	Phát	Nam	16/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,00	4,00	6,60	15,60
318	180334	Phạm Tấn	Phát	Nam	11/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	5,00	9,00	20,75
319	180336	Vũ Hoàng Tấn	Phát	Nam	12/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,50	3,00	4,75	12,25
320	300696	Võ Trần Tấn	Phát	Nam	03/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thuận Giao	Thành phố Thuận An	2025			30	18			7,25	4,20	4,00	15,45
321	180337	Bùi Hữu	Phong	Nam	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	5,25	2,40	6,50	15,15
322	180338	Chu Thanh	Phong	Nam	01/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	6,60	7,25	21,35
323	180339	Đoàn Tấn	Phong	Nam	28/12/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,20	7,00	15,20
324	180340	Nguyễn Cao	Phong	Nam	19/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	4,50	6,75	18,25

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghề											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
325	180341	Trần Hoài	Phong	Nam	30/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			4,50	2,60	5,75	12,85
326	010491	Phạm Hoài Vinh	Phú	Nam	26/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA	ANH	18				7,50	8,20	9,75	25,45
327	180342	Nguyễn Văn	Phú	Nam	14/03/2010	Hậu Giang	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,50	1,80	6,25	13,55
328	180343	Tổng Công	Phú	Nam	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	2,80	7,00	16,55
329	180344	Trần Thanh	Phú	Nam	24/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	3,80	7,80	16,85
330	180345	Bạch Thiên	Phúc	Nam	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,20	6,00	14,95
331	180346	Lê Đình Hoàng	Phúc	Nam	06/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	7,00	7,00	19,25
332	180347	Vũ Anh	Phúc	Nam	22/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	3,40	4,10	13,75
333	180348	Lê Mạnh	Phước	Nam	14/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	4,20	6,30	17,25
334	180349	Lê Minh	Phước	Nam	07/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	3,80	8,50	18,80
335	180350	Vũ Bá	Phước	Nam	15/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,50	2,40	5,60	12,50
336	180351	Hoàng Phi	Phương	Nữ	29/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	17			6,50	2,00	8,25	16,75
337	180352	Nguyễn Hoài	Phương	Nam	02/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	7,00	7,50	21,25
338	160190	Nguyễn Thị Ánh	Phượng	Nữ	28/03/2010	Thanh Hóa	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			5,50	2,40	5,60	13,50
339	010515	Đặng Minh	Quân	Nam	29/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18	19			8,00	5,70	7,50	21,20
340	010962	Đỗ Minh	Quân	Nam	18/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN		18	27			7,50	5,40	10,00	22,90
341	180355	Trần Hoàng Anh	Quân	Nam	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,80	6,50	15,55
342	180353	Lê	Quang	Nam	09/10/2010	Bình Phước	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	6,10	7,25	20,35
343	180356	Trương Minh	Quý	Nam	01/05/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,00	6,50	18,00
344	180357	Võ Thanh	Quốc	Nam	05/03/2010	Bình Phước	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,00	6,25	14,50
345	180358	Bùi Thị	Quý	Nữ	01/08/2009	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	2,40	7,65	16,80
346	180359	Nguyễn Văn	Quý	Nam	17/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	5,40	8,50	20,40
347	010523	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	Nữ	10/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18				8,75	8,40	8,25	25,40
348	180362	Đàm Diễm	Quỳnh	Nữ	21/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,75	4,20	4,60	13,55
349	180363	Hoàng Thụy Trúc	Quỳnh	Nữ	14/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	4,20	8,00	19,20
350	180364	Lê Ngọc Yến	Quỳnh	Nữ	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	3,40	5,90	16,30
351	180365	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	Nữ	21/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,40	6,25	15,40
352	180366	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	03/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,60	6,50	15,85
353	180367	Vân Thị Như	Quỳnh	Nữ	30/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,60	6,00	14,35
354	180368	Trần Nguyễn Đơn	Sa	Nữ	17/11/2008	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	2,40	5,50	12,90
355	180369	Nguyễn Hữu	Sang	Nam	30/03/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,40	6,25	17,65
356	180371	Trần Phước	Sang	Nam	28/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	7,10	10,00	24,60
357	180372	Nguyễn Quang	Sáng	Nam	24/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,20	8,25	19,95
358	180373	Đặng Thanh	Son	Nam	12/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	6,30	6,25	19,55
359	180374	Bùi Phú	Tài	Nam	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	1,40	8,00	15,15
360	180375	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	05/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	2,20	6,10	13,55
361	160202	Lê Minh	Tâm	Nam	26/09/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			3,50	3,20	6,00	12,70
362	170248	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Chánh	Thành phố Tân Uyên	2025			17	18			5,75	2,20	6,50	14,45
363	180378	Nguyễn Thành	Tâm	Nam	19/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,60	6,50	15,85
364	180379	Trần Mỹ	Tâm	Nữ	22/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	4,40	4,35	15,75
365	180380	Trần Thị Kim	Tâm	Nữ	09/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,60	4,50	13,85

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
366	180381	Trần Minh Tân	Nam	13/10/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,75	2,40	4,30	13,45
367	180382	Trần Nhật Tân	Nam	17/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			5,50	3,80	6,25	15,55
368	180383	Nguyễn Quốc Tấn	Nam	15/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			5,50	4,50	6,00	16,00
369	160205	Bao Ngọc Duy	Nam	21/02/2009	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025				16	18			6,00	2,80	5,25	14,05
370	180384	Lâm Quốc Thái	Nam	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,50	7,80	7,75	22,05
371	180385	Nguyễn Quốc Thái	Nam	22/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,00	3,40	7,00	18,40
372	180386	Phạm Quốc Thái	Nam	27/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,75	3,60	7,25	17,60
373	180387	Trần Quốc Thái	Nam	05/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,50	5,40	7,50	21,40
374	190136	Nguyễn Hữu Thái	Nam	11/07/2010	Bình Dương	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Huyện Phú Giáo	2025				19	18			6,00	2,40	5,25	13,65
375	180404	Lê Thị Ngọc Thắm	Nữ	10/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			7,25	2,40	5,25	14,90
376	010992	Vũ Minh Thắng	Nam	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	TOÁN			18				7,75	7,00	8,50	23,25
377	180388	Huỳnh Diệu Thanh	Nữ	16/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,75	3,40	8,00	19,15
378	180389	Huỳnh Mai Thanh	Nữ	27/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,75	2,60	7,00	16,35
379	180390	Huỳnh Thị Thu Thanh	Nữ	08/10/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			6,00	3,00	6,25	15,25
380	180392	Võ Thị Tú Thanh	Nữ	04/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,00	3,80	7,50	19,30
381	180393	Lê Vũ Thành	Nam	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			5,00	7,40	5,75	18,15
382	180394	Nguyễn Tấn Thành	Nam	14/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,50	2,80	5,85	17,15
383	180395	Phạm Tiến Thành	Nam	20/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			5,00	3,20	7,10	15,30
384	180396	Phan Văn Thành	Nam	21/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			8,25	5,20	8,00	21,45
385	160216	Nguyễn Thị Dịu Thảo	Nữ	12/10/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025				16	18			6,50	1,80	4,60	12,90
386	160220	Trần Thu Thảo	Nữ	29/04/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025				16	18			6,75	2,40	4,60	13,75
387	180397	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	10/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,00	2,60	5,25	13,85
388	180400	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Nữ	27/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			6,50	4,60	6,50	17,60
389	180401	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	05/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,00	3,20	7,00	18,20
390	180402	Nguyễn Hồng Phương Thảo	Nữ	04/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025				18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	7,50	3,00	7,00	18,50
391	180403	Vũ Thị Thanh Thảo	Nữ	18/09/2010	Nam Định	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			8,50	3,60	7,75	19,85
392	180405	Nguyễn Hải Thiên	Nam	15/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,50	5,10	6,00	18,60
393	180406	Trần Thuận Thiên	Nam	29/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,25	3,60	7,25	18,10
394	180407	Lê Hoan Thiện	Nam	15/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			7,25	2,20	6,00	15,45
395	180409	Lê Nguyễn Phú Thịnh	Nam	13/11/2010	Quảng Trị	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,75	5,30	6,75	18,80
396	180410	Trần Phước Thịnh	Nam	29/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			7,25	8,30	7,00	22,55
397	180412	Trương Quốc Thịnh	Nam	25/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025				18	19			6,75	5,40	7,25	19,40
398	180413	Trần Thị Thu	Nữ	13/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,25	3,40	6,75	16,40
399	011008	Lê Hà Minh Thư	Nữ	05/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	LÍ			18	19			5,75	7,30	9,25	22,30
400	180421	Châu Hoàng Anh Thư	Nữ	02/11/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,00	2,80	6,10	15,90
401	180422	Dương Hoàng Thi Thư	Nữ	01/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			6,75	3,40	8,25	18,40
402	180423	Hà Ngọc Anh Thư	Nữ	10/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			5,75	2,00	5,35	13,10
403	180424	Nguyễn Anh Thư	Nữ	18/12/2010	Thái Bình	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,75	2,00	7,00	16,75
404	180426	Nguyễn Đỗ Anh Thư	Nữ	29/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			7,25	3,40	6,00	16,65
405	180427	Nguyễn Hoàng Anh Thư	Nữ	09/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			8,25	3,00	8,00	19,25
406	180428	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	02/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025				18	27			5,00	4,80	8,25	18,05

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghề											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
407	180429	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	23/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	3,60	5,75	15,60
408	180430	Phạm Anh	Thư	Nữ	06/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	2,00	8,00	17,25
409	180431	Phạm Hoàng Anh	Thư	Nữ	12/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	4,90	6,75	19,40
410	180432	Phạm Vũ Quỳnh	Thư	Nữ	06/08/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	8,00	6,00	9,25	24,25
411	180433	Phan Anh	Thư	Nữ	11/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	8,00	6,30	20,80
412	180434	Phan Trần Minh	Thư	Nữ	15/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,00	6,25	17,75
413	180435	Phùng Thị Anh	Thư	Nữ	19/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,40	6,50	18,40
414	180437	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	03/05/2009	Đồng Nai	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,40	8,00	18,65
415	180438	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	23/05/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	2,20	6,75	13,95
416	180414	Lê Văn	Thuận	Nam	16/01/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	2,60	5,75	14,85
417	180415	Trần Phi	Thuật	Nam	06/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	3,40	7,25	17,40
418	180439	Nguyễn Hữu	Thức	Nam	12/12/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,00	2,00	4,75	12,75
419	180440	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	12/06/2010	Bạc Liêu	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	3,00	8,00	18,75
420	180441	Nguyễn Hoài	Thương	Nam	28/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,50	4,30	7,75	20,55
421	180442	Nguyễn Lê Hồng	Thương	Nữ	17/03/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	2,40	5,75	16,15
422	180417	Đào Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	08/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,50	4,20	7,00	19,70
423	180418	Phạm Thanh	Thúy	Nữ	03/04/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	4,20	6,50	18,70
424	180419	Trương Thanh	Thúy	Nữ	06/06/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	5,20	7,50	20,70
425	180420	Vũ Thanh	Thúy	Nữ	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	4,20	8,00	20,20
426	180416	Lê Thị	Thùy	Nữ	07/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,00	3,20	8,75	19,95
427	180443	Nguyễn Bảo	Thy	Nữ	20/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			3,25	2,40	7,00	12,65
428	180444	Nguyễn Khánh	Thy	Nữ	20/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	7,30	6,50	21,30
429	180445	Bùi Thị Cẩm	Tiên	Nữ	20/09/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,00	6,50	16,75
430	180446	Lê Biển	Tiên	Nữ	30/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,40	7,50	18,15
431	180447	Lê Thị Thủy	Tiên	Nữ	09/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,40	5,75	14,65
432	180448	Nguyễn Ngọc	Tiên	Nữ	21/01/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,40	7,25	17,90
433	180449	Nguyễn Thảo	Tiên	Nữ	18/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	5,80	8,00	21,80
434	180450	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	Nữ	21/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,20	5,75	15,95
435	180451	Phạm Thị Cẩm	Tiên	Nữ	09/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,75	2,60	4,60	12,95
436	180452	Phạm Thị Mỹ	Tiên	Nữ	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	2,60	3,85	12,70
437	180453	Võ Thị Kiều	Tiên	Nữ	24/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	4,50	10,00	22,25
438	180454	Vũ Ngọc Cẩm	Tiên	Nữ	02/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	3,40	10,00	20,65
439	180456	Phạm Minh	Tiến	Nam	22/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,75	6,30	6,30	20,35
440	180457	Võ Minh	Tiến	Nam	25/11/2010	Bình Phước	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,00	2,60	6,25	12,85
441	180458	Đào Thanh	Trà	Nữ	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	4,60	8,00	20,10
442	180463	Lê Ngọc	Trâm	Nữ	02/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	5,50	7,00	18,25
443	180464	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	27/09/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,20	6,75	15,45
444	180465	Tô Mỹ	Trâm	Nữ	26/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,25	3,00	6,00	16,25
445	180466	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	31/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	5,10	6,00	19,10
446	180468	Trần Thị Tuyết	Trâm	Nữ	28/04/2010	Bình Phước	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	2,80	4,10	14,40
447	180469	Vũ Thúy	Trâm	Nữ	14/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	1,20	5,80	13,75

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng
							học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
448	180471	Huỳnh Lương Quế	Trần	Nữ	08/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	2,20	5,25	12,70
449	180472	Lê Ngọc Huyền	Trần	Nữ	17/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,50	2,40	5,75	13,65
450	180473	Lê Thị Quế	Trần	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,00	6,00	14,50
451	180474	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	Nữ	12/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			8,25	2,40	9,00	19,65
452	010613	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	22/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025	HÓA		18	27			7,50	6,50	9,00	23,00
453	180459	Dương Thị Yến	Trang	Nữ	20/09/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	3,60	5,50	15,35
454	180460	Đặng Thị Huyền	Trang	Nữ	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,40	5,25	13,65
455	180461	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	17/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,00	7,60	7,00	22,60
456	180462	Trần Thùy	Trang	Nữ	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			8,50	4,40	8,00	20,90
457	180475	Đào Minh	Trí	Nam	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	8,50	5,25	19,75
458	180476	Bùi Quốc	Triệu	Nam	22/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			4,00	2,00	6,50	12,50
459	180477	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	08/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,60	6,60	15,20
460	180479	Nguyễn Thị Hạnh	Trình	Nữ	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	3,00	7,00	17,25
461	180480	Nguyễn Dương Đăng	Trình	Nam	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	3,60	7,50	17,60
462	180481	Đỗ Đức	Trọng	Nam	22/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,25	5,30	6,75	18,30
463	180482	Hồ Thanh	Trọng	Nam	26/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			4,75	7,40	6,25	18,40
464	180483	Nguyễn Sang	Trọng	Nam	03/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,25	1,40	6,00	12,65
465	180484	Trần Đình	Trọng	Nam	28/12/2009	Gia Lai	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,40	8,75	18,15
466	160271	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	Nữ	12/11/2010	Đồng Nai	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			6,00	2,40	6,00	14,40
467	180485	Phạm Thảo Hương	Trúc	Nữ	25/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	2,60	6,25	15,35
468	180486	Trần Thanh	Trúc	Nữ	01/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	2,40	6,00	14,40
469	180487	Trịnh Hoàng Thanh	Trúc	Nữ	09/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,75	2,60	7,25	16,60
470	180488	Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	17/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	7,10	7,25	21,35
471	180489	Đồng Minh	Trung	Nam	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	22			6,75	6,60	9,25	22,60
472	180491	Võ Hoài	Trung	Nam	28/03/2010	Phú Yên	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,50	2,20	5,00	13,70
473	180492	Nguyễn Thế	Trường	Nam	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,80	7,50	18,30
474	180493	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	12/01/2010	Bình Dương	Trường TH&THCS Tam Lập	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,20	4,25	13,45
475	180494	Hoàng Thị Cẩm	Tú	Nữ	06/07/2010	Hậu Giang	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,00	3,80	6,00	16,80
476	180495	Nguyễn Minh	Tú	Nam	03/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	2,40	7,00	16,90
477	180496	Nguyễn Quốc	Tú	Nam	21/07/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,30	6,00	14,30
478	180497	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	2,00	5,90	13,65
479	180498	Nguyễn Tuấn	Tú	Nam	12/06/2009	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	1,20	7,00	14,45
480	180499	Trần Đình Tuấn	Tú	Nam	09/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	1,80	6,00	14,30
481	150177	Nguyễn Hoàng	Tuấn	Nam	04/12/2009	Đồng Nai	Trường TH&THCS Lạc An	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			15	18			5,00	1,60	6,00	12,60
482	160281	Bùi Ngọc	Tuấn	Nam	23/07/2010	Bình Dương	Trường TH-THCS Tân Định	Huyện Bắc Tân Uyên	2025			16	18			6,00	2,40	5,50	13,90
483	180500	Đoàn Văn Thanh	Tuấn	Nam	12/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	4,80	6,75	18,05
484	180501	Hoàng Nhan Minh	Tuệ	Nữ	03/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	7,60	6,75	21,60
485	180503	La Chí	Tường	Nam	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,50	4,20	5,80	17,50
486	180506	Mạc Thanh	Vân	Nữ	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	1,40	5,75	13,15
487	180508	Phan Thanh	Vân	Nữ	07/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	4,60	4,85	15,95
488	180504	Lương Đình	Văn	Nam	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27	1	-DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS	6,00	4,60	6,00	17,60

TT	SBD	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9			NV chuyên 1	NV chuyên 2	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Văn	Anh	Toán	Tổng cộng	
						học tại trường	Huyện/ Thị	Năm tốt nghiệp											
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(27)	(28)	(29)	(30)
489	180509	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	05/12/2010	Bình Phước	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	4,00	7,50	17,50
490	190178	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	17/08/2009	Bình Dương	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	Huyện Phú Giáo	2025			19	18			7,50	1,80	5,25	14,55
491	180511	Ngô Quang	Vinh	Nam	17/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	4,20	7,50	18,45
492	180512	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	06/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	3,20	6,75	15,70
493	180513	Đặng Lâm	Vũ	Nam	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			5,50	4,20	6,50	16,20
494	180514	Lê Duy	Vũ	Nam	08/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,75	1,20	7,25	14,20
495	180515	Nguyễn Huy	Vũ	Nam	29/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	3,40	6,50	17,40
496	270199	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	25/12/2009	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			5,00	2,20	6,00	13,20
497	180516	Bùi Ngọc Thiên	Vy	Nữ	10/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	2,80	6,00	15,80
498	180517	Cao Thị Tường	Vy	Nữ	21/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,25	1,60	5,00	13,85
499	180518	Huỳnh Phương	Vy	Nữ	13/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Trãi	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	6,90	9,50	23,40
500	180519	Lê	Vy	Nữ	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			5,00	3,20	5,75	13,95
501	180520	Nguyễn Huỳnh Nhã	Vy	Nữ	10/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,50	3,00	6,00	16,50
502	180521	Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	14/07/2010	Nghệ An	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	Thành phố Thuận An	2025			18	27			7,50	2,80	5,00	15,30
503	180522	Nguyễn Thị Hà	Vy	Nữ	07/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,50	3,00	6,50	17,00
504	180523	Nguyễn Thị Thảo	Vy	Nữ	17/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	5,70	6,75	19,45
505	180524	Nguyễn Vũ Tường	Vy	Nữ	07/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,25	6,90	8,75	22,90
506	180525	Phạm Minh	Vy	Nữ	04/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	4,20	7,25	17,70
507	180527	Trương Tô Nhật	Vy	Nữ	12/10/2010	Cà Mau	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,25	1,40	5,75	13,40
508	180528	Ung Lê Minh	Vy	Nữ	03/01/2009	Bình Phước	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,75	3,40	5,75	15,90
509	270208	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	Nữ	10/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phước Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			27	18			3,75	2,80	6,50	13,05
510	180530	Trần Hồng	Y	Nữ	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			7,75	6,30	6,50	20,55
511	180532	Trần Thị Như	Ý	Nữ	30/08/2010	Bình Phước	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	19	1 -DTTS;Cha hoặc mẹ DTTS		7,75	3,80	7,00	19,55
512	180533	Nguyễn Quốc	Yên	Nam	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Vĩnh Hòa	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,00	3,00	6,75	15,75
513	180534	Bồ Hoàng	Yến	Nữ	01/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			7,00	3,60	7,25	17,85
514	180535	Đặng Hoàng	Yến	Nữ	18/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	20			7,50	3,80	6,50	17,80
515	180537	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	Nữ	26/08/2010	Đồng Nai	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Huyện Phú Giáo	2025			18	27			6,50	4,00	4,50	15,00
516	180538	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	25/02/2010	Bình Phước	Trường THCS An Bình	Huyện Phú Giáo	2025			18	19			6,00	5,80	6,50	18,30

Danh sách có 516 học sinh./.

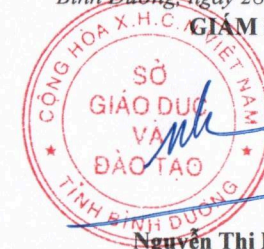
Người lập



Võ Hoàng Yến

Bình Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhật Hằng